Máy lọc không khí DEAIR-FR1000



Máy lọc không khí DeAir-FR1000 là thiết bị chuyên dụng giúp làm sạch không gian sống bằng cách hút và loại bỏ các hạt bụi (kể cả bụi mịn PM2.5), lông thú cưng, phấn hoa, vi khuẩn, nấm mốc và khử sạch mùi hôi, mang lại bầu không khí trong lành, bảo vệ sức khỏe hệ hô hấp.

Thông số kỹ thuật

Model		DeAir-FR1000
Lưu lượng gió	CMH	10,000
3 cấp lọc		G4, F8, Hepa H13
Nguồn điện	V/Ph/Hz	380/3/50
Công suất điện tiêu thụ	kW	6.1
Độ ồn khi chạy chế độ gió MAX	dBA	65
Kích thước không miệng gió (Rộng x Sâu x Cao)	mm	2,000x800x1,800
Khối lượng	kg	400
Sử dụng quạt EC Ebmpapst thương hiệu Đức, hiệu suất cao		

*Độ ồn đo ở khoảng cách 3m

Công ty cổ phần DeAir
deair.com.vn 0933 628 660
Văn phòng và nhà máy: 442/8, Quốc lộ 1A, khu phố 4, phường An Phú Đông, TP. HCM
Chi nhánh: Số 29, Phố Như Quỳnh, xã Như Quỳnh, tỉnh Hưng Yên

FanGrid data

Type (mId=206389)		8317086540
Type code		VBH0310PTRLZ
Number of fans		2
Energy consumption	kWh	41386
Phase / Voltage	Ph/V	3~ 380-480
Speed factor	%	93

Input

Redundant fans		0
Max. FanGrid width	mm	
Max. FanGrid height	mm	
with backward flow		no
Calc. method air power loss		No

Nominal fan data

Voltage	VAC	3~ 380-480
Frequency	Hz	50/60
Speed	1/min	
Power input	W	
Current draw	A	
Minimal temperature	°C	
Maximal temperature	°C	

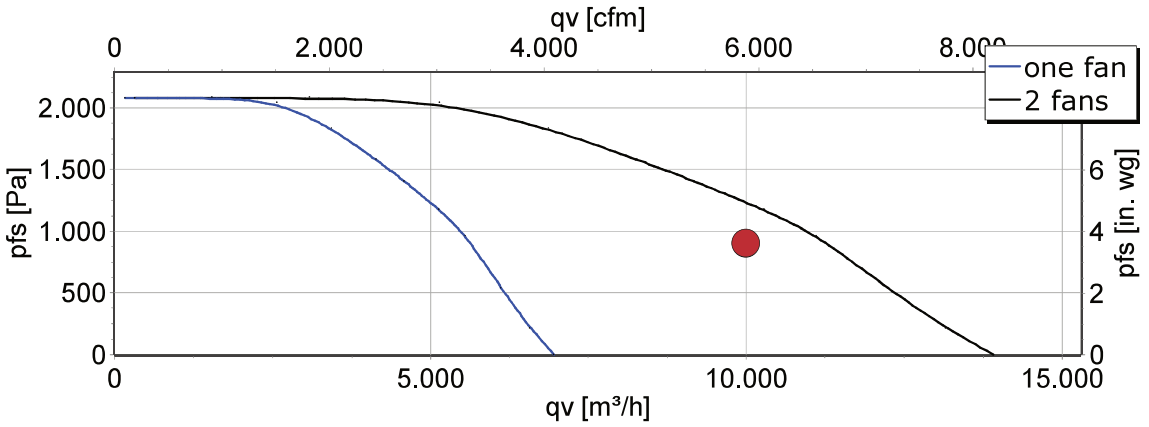
Ambient conditions

ρ calculated to	kg/m³	1,150
ρ measured at	kg/m³	1,154
Available installation space		
Width per fan	mm	
Height per fan	mm	
Fan size (nominal/average)	mm	325,4
with intake finger guard		no

Operating points of FanGrid

OP	qv[m³/h]	pfs[Pa]	t [h]	ηes[%]	ηed[%]	Ped [W]	n[1/min]	SFP	Uctrl. [V]	pd [Pa]	I [A]	E[kWh]	Pv[W]	ηm[%]	ηr[%]	ηsr[%]
1	10000	900	8760	53	59	4724	3717	1,701	-	104,6	7,3	41386	0,0	86	69	61
p.a.			8760									41386				

Air performance

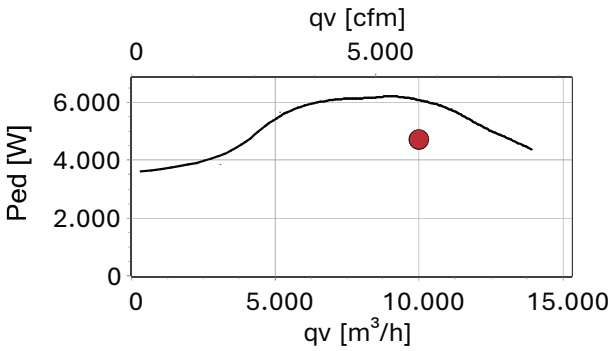


q_v = air flow
p_{fs} = static pressure
t = Operating time [h]
U_{ctrl} control voltage
η_{es} = overall static efficiency - includes fan, motor, drive (W2A)
η_{ed} overall total efficiency - includes fan, motor, drive (W2A)
P_{ed} = electrical input power - includes fan, motor, drive (W2A)

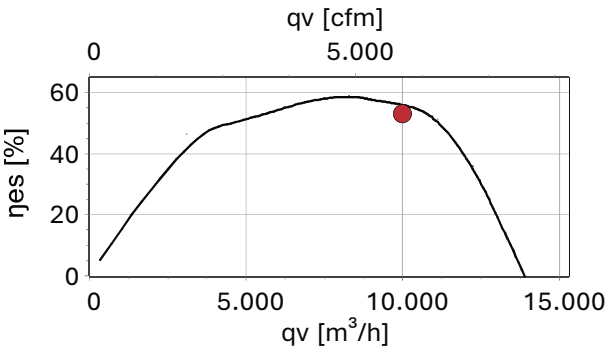
n = fan speed
E = energy consumption
I = current

pd = dynamic pressure (pd=Rho·vm²/2)
Pv [W] = Power loss due to installation
SFP = specific fan power [SFP/(kW/(m³/s))]
ηr = efficiency total fan impeller
ηsr = efficiency static fan impeller
ηm = efficiency motor

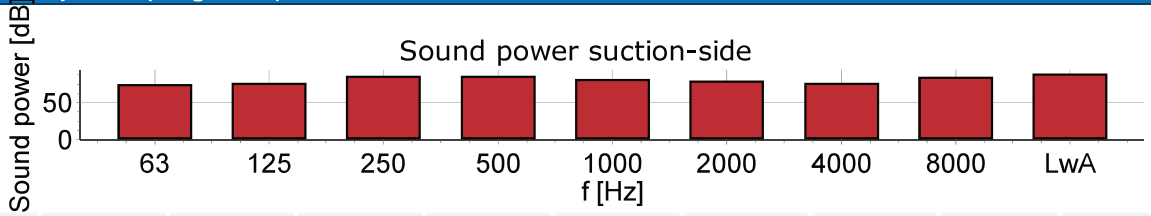
Power input Ped [W]



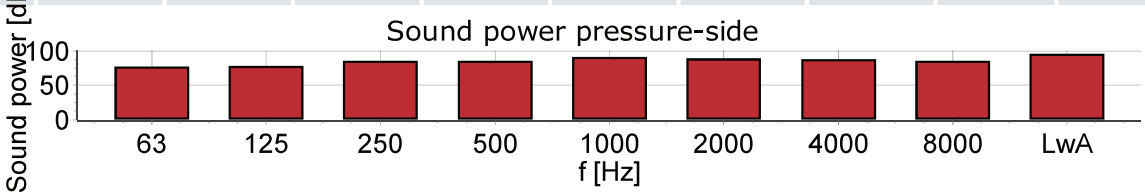
Overall static efficiency ŋ es [%]



Sound power (single fan)



OP	63	125	250	500	1000	2000	4000	8000	LwA
1	75,1	77,4	86,6	85,8	82,5	79,7	76,7	84,6	89,2



OP	63	125	250	500	1000	2000	4000	8000	LwA
1	76,4	77,7	85,5	86,1	90,7	89,5	87,5	85,9	95,6

Illustration

W = Installation space width total:	mm	1060	H = Installation space height total:	mm	530
a1 = separate distances to a wall:	mm	102,3	a2 = separate distances to a wall:	mm	102,3
a = average distance:	mm	102,3	A = outlet area:	m²	0,10299
Space width per fan:	mm	530,0	Space height per fan:	mm	530,0
DI = Fan diameter inlet:	mm	212	DN = Fan width nominal/average:	mm	325,4
Installation correction factor:		1,00	FW = Fan width:	mm	500
FH = Fan height:	mm	500	Redundant fans:		0
Column/Row array:		2	Columns in the FanGrid:		2
Rows in the FanGrid:		1	Number of fans:		2
Back flow:	m³/h	0,0			

